

CÔNG TY CP CAO SU THỐNG NHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất
2. Mã chứng khoán: TNC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120

II. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Họ và tên: Nguyễn Nhật Thành Lâm
2. Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120
4. Loại thông tin công bố: Định kỳ.

III. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

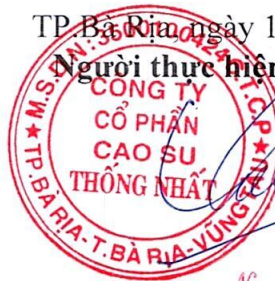
Báo cáo tài chính quý III năm 2021.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Bà Rịa, ngày 12 tháng 10 năm 2021

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Nhật Thành Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021 VND	01/01/2021 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		262,545,265,236	208,456,687,733
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		35,205,722,819	22,514,405,476
Tiền	111		25,205,722,819	14,514,405,476
Các khoản tương đương tiền	112		10,000,000,000	8,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		180,000,000,000	147,000,000,000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		180,000,000,000	147,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12,959,388,128	13,678,546,646
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		5,840,821,286	6,707,874,263
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3,568,771,966	4,901,245,600
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		8,496,850,551	7,084,482,458
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4,947,055,675)	(5,015,055,675)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		32,496,785,198	24,911,535,948
Hàng tồn kho	141		32,496,785,198	24,911,535,948
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,883,369,091	352,199,663
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,740,077,627	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		90,039,847	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		53,251,617	352,199,663
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		160,819,954,681	175,555,730,631
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		75,596,703,484	65,215,682,076
Tài sản cố định hữu hình	221		75,596,703,484	65,215,682,076
Nguyên giá	222		155,262,926,031	138,994,258,943
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79,666,222,547)	(73,778,576,867)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340,000,000)	(340,000,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		50,881,481,463	50,563,989,751
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		50,881,481,463	50,563,989,751
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		27,311,175,704	57,311,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		500,000,000	30,500,000,000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021 VND	01/01/2021 VND
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7,030,594,030	2,464,883,100
Chi phí trả trước dài hạn	261		7,030,594,030	2,350,504,079
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	114,379,021
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		423,365,219,917	384,012,418,364
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		89,857,324,383	39,317,847,778
I. Nợ ngắn hạn	310		68,258,460,529	22,317,847,778
Phải trả người bán ngắn hạn	311		2,528,326,316	753,451,848
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		722,768,600	632,600,000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		5,698,157,202	56,859,071
Phải trả người lao động	314		3,986,150,390	8,196,858,887
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		100,176,000	149,410,000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		42,272,952,552	2,398,861,151
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		12,949,929,469	10,129,806,821
Quỹ bình ỗ giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		21,598,863,854	17,000,000,000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		21,598,863,854	17,000,000,000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		333,507,895,534	344,694,570,586
I. Vốn chủ sở hữu	410		333,507,895,534	344,694,570,586
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		95,474,011,654	95,474,011,654
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45,533,883,880	56,720,558,932
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11,424,457,932	1,822,474,106
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34,109,425,948	54,898,084,826
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-

100424
CÔNG TY
CAO SU
THỐNG NHẤT
BÀ RI - VŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2021 VND	01/01/2021 VND
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		423,365,219,917	384,012,418,364



TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng/Người lập bảng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 12 tháng 10 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2021

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Quý 03		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
		VND	VND	VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12,114,792,300	8,859,904,890	38,448,851,328	38,570,480,467
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10	Doanh thu thuần	12,114,792,300	8,859,904,890	38,448,851,328	38,570,480,467
11	Giá vốn hàng bán	10,928,509,992	7,920,902,358	31,959,848,527	36,754,969,113
20	Lợi nhuận gộp	1,186,282,308	939,002,532	6,489,002,801	1,815,511,354
21	Doanh thu hoạt động tài chính	12,138,931,272	3,346,569,588	34,674,013,130	50,362,831,644
22	Chi phí tài chính	-	-	-	-
23	Trong đó: chi phí lãi vay	-	-	-	-
24	Chi phí bán hàng	69,091,823	11,860,000	321,636,940	34,340,000
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,049,119,614	1,501,275,115	4,426,427,245	5,122,046,123
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12,207,002,143	2,772,437,005	36,414,951,746	47,021,956,875
31	Thu nhập khác	110,272,733	307,815,000	862,316,380	8,111,428,702
32	Chi phí khác	608,688,197	208,130,411	1,258,437,400	695,230,660
40	Lợi nhuận khác	(498,415,464)	99,684,589	(396,121,020)	7,416,198,042
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11,708,586,679	2,872,121,594	36,018,830,726	54,438,154,917
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	496,921,281	491,784,475	1,795,025,757	2,615,746,297
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	2,400,000	114,379,021	8,700,000
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11,211,665,398	2,377,937,119	34,109,425,948	51,813,708,620
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	582	124,000	1,772	2,692
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	582	124,000	1,772	2,692

(Signature)

TRẦN HỮU TRÍ

Kế toán trưởng/Người lập bảng

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM

Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 12 tháng 10 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		36,018,830,726	54,438,154,917
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		5,887,645,680	5,403,534,071
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(68,000,000)	(43,500,000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(34,629,105,403)	(57,687,892,164)
Chi phí lãi vay	06			-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		7,209,371,003	2,110,296,824
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		237,101,703	1,382,295,165
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(7,585,249,250)	11,847,324,160
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		8,324,364,766	1,167,127,283
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(6,420,167,578)	(2,145,717,120)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(513,379,770)	(615,906,394)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3,975,978,352)	(4,101,609,277)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2,723,937,478)	9,643,810,641
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(15,035,275,166)	(7,796,759,248)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		(44,907,727)	11,210,723,170
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3,000,000,000)	(126,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	110,000,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		33,583,146,464	48,433,228,865
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15,502,963,571	35,847,192,787
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(87,708,750)	(28,802,814,250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(87,708,750)	(28,802,814,250)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		12,691,317,343	16,688,189,178
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		22,514,405,476	1,256,588,609
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		35,205,722,819	17,944,777,787


TRẦN HỮU TRÍ

Kế toán trưởng/Người lập bảng

**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**

Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 12 tháng 10 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016. vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3. Ngành nghề kinh doanh: Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ vắn nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ *Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Xí nghiệp CBNS Phước Hưng – Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung. các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo số về Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận trước thuế. Riêng đối với hoạt động sau :

- Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc). Công ty có

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận trước thuế.

- Hoạt động trồng trọt chế biến nông sản thực hiện tại Thành phố Bà Rịa không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận trước thuế.

15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP.HCM, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Tiền	Cuối năm		Đầu năm
- Tiền mặt	393.445.214		175.435.808
- Tiền gửi ngân hàng	24.812.277.605		14.338.969.668
- Các khoản tương đương tiền			
Tổng cộng:	25.205.722.819		14.514.405.476

a) Chi tiết tiền mặt	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	301.353.989		301.353.989
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	64.254.487		64.254.487
Tại quỹ XDCB NTCS Hòa Bình 2	12.000.000		12.000.000
Tại quỹ NTCS Phong Phú	608.370		608.370
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	-		-
Tại quỹ Đội NN UDCNC Thống Nhất	7.330.768		7.330.768
Tại quỹ Đội NN UDCNC Thống Nhất - Kyzuna	7.897.600	-	7.897.600
Tổng cộng:	393.445.214		393.445.214

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	Tiền gửi VND	USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng tàu	1.294.172.517		1.294.172.517
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	7.671.826		7.671.826
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	234.808		234.808
BIVDBank - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	2.640.792		2.640.792
Sacombank - CN huyện Châu Đức	23.480.421.950		23.480.421.950
Agribank - CN huyện Châu Đức	25.930.200		25.930.200
Ngân hàng TMCP Kiên Long CN BR - VT	1.205.512		1.205.512
Tổng cộng:	24.812.277.605	-	24.812.277.605

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	10.000.000.000		8.000.000.000
Tổng cộng:	10.000.000.000		8.000.000.000

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
b1) Ngắn hạn	180.000.000.000	180.000.000.000		147.000.000.000	147.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	180.000.000.000	180.000.000.000		147.000.000.000	147.000.000.000	
- Trái phiếu						
b2) Dài hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn						
- Trái phiếu						
- Các khoản đầu tư khác						
Tổng cộng (b1+b2)	180.000.000.000	180.000.000.000		147.000.000.000	147.000.000.000	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704			26.811.175.704		

(*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3. Phải thu khách hàng	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.840.821.286	4.629.235.675	6.707.874.263	4.697.235.675
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Ty Ninh	4.099.180.000	4.099.180.000	4.099.180.000	4.099.180.000
Công ty TNHH Hưng Nhơn	2.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thành Lợi		-	262.711.166	-
Công ty TNHH CASHEW WIN	264.000.000	-	-	-
Tiền phải thu khách hàng - Hợp tác trồng Mỳ	-	-	530.515.000	-
Đỗ Hữu Trữ - Bán Chuối XK Hàn Quốc	-	-	73.352.500	-
Công ty TNHH SX TM DV XNK Minh Quyền	66.600	-	-	-
Công ty TNHH MTV SX Khánh Trường Thịnh	612.753.811	-	-	-
Võ Đình Vũ	71.848.800	-	-	-
Cty TNHH TM DV Chăn Nuôi NN Việt Uc	16.323.000	-	-	-
Lê Trung Hòa	10.965.500	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Tiền phải thu từ khách hàng khác	13.915.000	-	-	-
Ông Trần Tuấn Thành	219.712.900			-
Công ty TNHH MTV TM DV Đầu Tư Phước Huy	-	-	593.787.060	-
Công ty TNHH MINASU	-		550.272.862	
Các khách hàng lý Đại lý bán cám	530.055.675	530.055.675	598.055.675	598.055.675
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Tổng cộng:	5.840.821.286	4.629.235.675	6.707.874.263	4.697.235.675

4. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.568.771.966	4.901.245.600
Công ty CP Đất Đỏ	340.000.000	340.000.000
Công ty TNHH SX DV Hoàng Nguyên	180.000	686.250.000
Công ty TNHH TM DV May Mặc Hữu Tiến	120.000.000	82.500.000
Công ty TNHH MTV Đức Anh BP	225.000.000	335.250.000
Cty CP Tư Vấn và Thẩm định giá Đông Nam	82.500.000	20.000.000
Công ty CP Nông nghiệp Xanh	1.599.027.966	50.000.000
Công ty TNHH Bảo Minh Anh		3.269.975.600
Cty CP Công nghệ sinh học cây giống VN		91.770.000
Công ty TNHH Đại Thiên Tân	1.191.564.000	25.500.000
Trung tâm chứng nhận phù hợp QUACERT	10.500.000	-
b. Trả trước cho người bán dài hạn		-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		-
Tổng cộng:	3.568.771.966	4.901.245.600

5. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	8.496.850.551	317.820.000	7.084.482.458	317.820.000
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317.820.000
Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương			136.767.269	
Phải thu bảo hiểm người lao động	357.760.254		153.681.299	
Phải thu thuế TNCN người lao động	17.355.335		6.463.213.890	
Lãi tiền gửi phải thu	7.554.080.556		8.000.000	
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	74.210.000		5.000.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)	5.000.000		-	-
Phải thu tiền chi hỗ trợ cấp thai sản. ốm đau	32.624.406		-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	38.000.000			
Phải thu tiền thuế GTGT tính trước	-			
Phải thu về cổ phần hóa	100.000.000			
b) Dài hạn	-	-		-
Tổng cộng:	8.496.850.551	317.820.000	7.084.482.458	317.820.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

6. Dự phòng phải thu khó đòi	Cuối năm		Đầu năm
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4.947.055.675		5.015.055.675
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.417.000.000		4.417.000.000
Dương Thị Yến	53.000.000		53.000.000
Lê Ngọc Tùng	21.364.340		24.364.340
Dương Minh Chiến	35.379.160		35.379.160
Nguyễn Văn Phước	6.550.000		6.550.000
Lê Thị Trúc Lê	59.115.235		59.115.235
TT Khuyến Nông	8.320.000		8.320.000
Nguyễn Thanh Tự	58.300.000		58.300.000
Anh Hoàng - Long Phước	2.933.500		2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	246.776.700		246.776.700
Nguyễn Thanh Quang	10.450.000		10.450.000
Phạm Ngọc Dũng	7.866.740		7.866.740
Dương Văn Lợi	20.000.000		85.000.000
b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-		-
c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan	-		-
Tổng cộng:	4.947.055.675		5.015.055.675

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền				
b) Hàng tồn kho				
c) TSCĐ				
d) Tài sản khác				

8. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Tổng cộng:					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	4.520.608.344		4.230.096.900	
- Công cụ, dụng cụ	764.082.079		771.748.607	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.515.492.159		8.047.363.287	-
- Thành phẩm	15.696.602.616		11.862.327.154	
- Hàng hoá		-		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Tổng cộng:	32.496.785.198	-	24.911.535.948	
-------------------	-----------------------	----------	-----------------------	--

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
Chi phí trồng tre và chuối tại PP&NTCS Hoà Bình 2	-		-	-
Chi phí trồng keo lai tại NTCS Phong Phú	-			
b) Xây dựng cơ bản dở dang	50.881.481.463	-	50.563.989.751	-
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	5.217.924.110		4.899.600.429	
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	45.399.972.720			
Vườn chuối Lô B94. BMỹ - Đội Phong Phú	54.545.455		42.715.552.329	
Vườn Điều tại Đội CS Phong Phú	79.039.178		76.659.178	
Chi phí mua sắm dở dang dự án Thống Nhất - Kizuna	130.000.000		2.872.177.815	
Tổng cộng:	50.881.481.463	-	50.563.989.751	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Vườn cây Cao su	Vườn cây Mít	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	49.250.119.948	23.624.310.689	7.080.742.080	757.850.894	62.318.033.301	1.379.935.656	144.410.992.568
- Mua trong năm	11.191.933.463						11.191.933.463
- Đầu tư XDCB hoàn thành							-
- Tặng khác							-
- Thanh lý, nhượng bán							-
- Giảm khác							-
Số dư cuối năm	60.442.053.411	23.624.310.689	7.080.742.080	757.850.894	62.318.033.301	1.379.935.656	155.602.926.031
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	38.176.532.048	19.218.561.822	4.458.278.581	724.866.803	15.034.428.539	172.491.957	77.785.159.750
- Khấu hao trong năm	848.418.389	378.672.675	162.987.155	2.151.136	785.710.453	43.122.989	2.221.062.797
- Tặng khác							-
- Thanh lý, nhượng bán							-
- Giảm khác							-
Số dư cuối năm	39.024.950.437	19.597.234.497	4.621.265.736	727.017.939	15.820.138.992	215.614.946	80.006.222.547
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm	11.073.587.900	4.405.748.867	2.622.463.499	32.984.091	47.283.604.762	1.207.443.699	66.625.832.818
- Tại ngày cuối năm	21.417.102.974	4.027.076.192	2.459.476.344	30.832.955	46.497.894.309	1.164.320.710	75.596.703.484

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

12. Tăng, giảm TSCĐ vô hình	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	-	340.000.000
- Mua trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				340.000.000
Số dư đầu năm	-	-	-	
- Khấu hao trong năm				-
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	7.720.703.315	5.980.625.688	1.740.077.627
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ		1.835.237.700	1.096.264.283	738.973.417
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ		1.873.542.000	1.649.795.332	223.746.668
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ		883.535.750	502.183.422	381.352.328
Chi phí khác (Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)		3.128.387.865	2.732.382.651	396.005.214
b. Chi phí trả trước dài hạn	2.350.504.079	5.728.981.752	1.048.891.801	7.030.594.030
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	2.350.504.079	5.728.981.752	1.048.891.801	7.030.594.030
Tổng cộng:	2.350.504.079	13.449.685.067	7.029.517.489	8.770.671.657

14. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn:	90.039.847	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	90.039.847	-
b) Dài hạn	-	114.379.021
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	114.379.021
+ Trích chi phí thực hiện trích đo, lập bản đồ địa chính theo HĐ 01/2015/ĐĐ-TN		
+ Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi - Đại lý Nhà máy CB thức ăn chăn nuôi Hưng Long		114.379.021

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Tổng cộng:	90.039.847	114.379.021
-------------------	-------------------	--------------------

15. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.528.326.316	2.528.326.316	753.451.848	753.451.848
Viện Nghiên cứu cao su Việt Nam	134.066.400	134.066.400	57.085.601	57.085.601
Công ty Trí Việt	118.440.000	118.440.000	6.017.407	6.017.407
Công ty TNHH Hoa Anh Đào	940.609.000	940.609.000	160.600.000	160.600.000
Nguyễn thị Thu Hồng	55.708.647	55.708.647	192.760.114	192.760.114
Bì thị Tuyết Nhung	13.248.994	13.248.994	114.750.000	114.750.000
Công ty TNHH Phân Bón Kiến Khoa	-	-	164.680.000	164.680.000
Công ty TNHH Quốc Tế Nông nghiệp Vàng	454.960.005	454.960.005		
Công ty TNHH SX và TM Vôi Hà Nam	54.600.000	54.600.000		
Công ty Cổ Phần SOP Phú Mỹ	-	-		
Phải trả vật tư, nguyên liệu khác	6.100.000	6.100.000		
Công ty TNHH MTV Kyzuna BRVT	-	-		
Cty TNHH SX TM DV XNK Minh Quyền	368.733.000	368.733.000		-
Huỳnh thị Mỹ Dung	39.360.270	39.360.270	57.558.726	57.558.726
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				

16. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	632.600.000	632.600.000
Hộ Kinh Doanh Lê Thị Thu	507.600	-
Công ty TNHH Thương Mại & DV Ngọc Bửu	89.661.000	-
Tổng cộng:	722.768.600	632.600.000

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	36.784.774	533.414.955	452.079.890	118.119.839
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(352.199.663)	1.894.675.149	513.379.770	1.029.095.716
Thuế thu nhập cá nhân (*)	19.081.977	65.885.330	48.952.492	(53.251.617)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Thuế tài nguyên	992.320	9.071.040	9.512.960	550.400
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	5.127.948.685	577.557.438	4.550.391.247
Thuế bảo vệ môi trường	-			
Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	52.398.946	52.398.946	
Tổng cộng:	(295.340.592)	7.691.394.105	1.661.881.496	5.644.905.585
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	352.199.663	-		53.251.617
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	56.859.071	-		5.698.157.202

18. Phải trả người lao động	Cuối năm	Đầu năm
Tiền lương còn lại phải trả	3.986.150.390	8.196.858.887
Tổng cộng:	3.986.150.390	8.196.858.887

19. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	100.176.000	149.410.000
Tiền ăn giữa ca		
- Đới cao su Phong Phú		12.405.000
- NTCS Hòa Bình	81.996.000	73.355.000
- Nhà máy CBM Bàu Non	18.180.000	10.035.000
- Đới NNUDCNC Thống Nhất	-	3.615.000
Tiền Lương chế độ		
Tiền thuê đất chưa quyết toán		
Chi phí kiểm toán BCTC	-	50.000.000
b) Dài hạn	-	-
Tổng cộng:	100.176.000	149.410.000

20. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	42.272.952.552	2.398.861.151
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		232.588.250
Công ty TNHH TK XD Núi Đất	42.000.000	42.000.000
Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn	21.700.000	21.700.000
Công ty TNHH An Hạ	49.200.000	49.200.000
DNTN Lê Lê Khánh	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Hoàng Diệp	16.695.000	16.695.000
DNTN Dương Hải	3.135.000	3.135.000
Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong	60.000.000	60.000.000
Cty TNHH MTCL Sài Gòn	14.858.250	14.858.250
Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ	26.000.000	26.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK	39.622.000	39.622.000
Công ty TNHH PT Thái Dương	1.236.624.994	233.796.723
Công ty TNHH MTV Kyzuna tỉnh BRVT	28.949.119	
Công ty TNHH Đại Thiên Tân	130.868.450	47.755.950

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Công ty TNHH Bảo Minh Anh	37.550.000	
Cô khí Thanh Hào	61.679.750	
Ph	100.000.000	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	39.734.919.218	1.322.627.968
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Các khoản phải nộp khác (TCBHXH)	396.723.869	16.455.108
b) Dài hạn	21.598.863.854	17.000.000.000
- Lãi vay		
Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty TNHH Kizuna	12.598.863.854	8.000.000.000
Tổng cộng:	63.871.816.406	19.398.861.151

21. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
-------------------------------------	-------------------	-------------------

22. Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Chi phí hỗ trợ pháp lý				-
Chi phí trợ cấp thôi việc				
Tổng cộng:	-	-	-	-

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	7.275.518.150	1.995.630.300	2.167.900.000	7.103.248.450
Quỹ phúc lợi	2.854.288.671	4.699.920.700	1.851.528.352	5.702.681.019
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	-			-
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty		144.000.000		144.000.000
Tổng cộng:	10.129.806.821	6.839.551.000	4.019.428.352	12.949.929.469

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	192.500.000.000	95.474.011.654	22.975.515.092	307.433.151.251
- Lãi trong năm nay			45.518.514.912	45.518.514.912
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				-
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

- Chia cổ tức				-
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm trước	192.500.000.000	95.474.011.654	68.494.030.004	352.951.666.163
Số dư đầu năm nay	192.500.000.000	95.474.011.654	56.720.558.932	344.694.570.586
- Lãi trong năm nay			34.109.425.948	34.109.425.948
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng. Phúc lợi			(6.652.101.000)	(6.652.101.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(144.000.000)	(144.000.000)
- Chia cổ tức			(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS				
Số dư cuối kỳ	192.500.000.000	95.474.011.654	45.533.883.880	333.507.895.534

	Số cuối kỳ		Số đầu năm
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)	98.175.000.000		98.175.000.000
- Cổ đông khác (49%)	94.325.000.000		94.325.000.000
Cộng	192.500.000.000		192.500.000.000

c) Cổ phiếu	Số cuối kỳ		Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000		19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.250.000		19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.250.000</i>		<i>19.250.000</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)			
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.250.000</i>		<i>19.250.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<i>19.250.000</i>		<i>19.250.000</i>
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>			

*** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND**

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ			
Ngoại tệ (USD)			
Nợ khó đòi đã xử lý			

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán mủ cao su	8.666.700.000	5.258.684.500	24.431.166.000	23.653.983.192
Doanh thu bán mủ thu mua tiểu điền			938.130.700	718.294.500
Doanh thu khác	12.000.000		614.181.818	
Doanh thu bán chuối xen canh HB2.PP	364.903.800	1.789.369.800	1.251.505.680	5.936.015.600
Doanh thu bán chuối Hợp tác Kinh Doanh	1.383.871.850	664.937.790	9.120.118.355	7.115.274.375
Doanh thu gia công mủ cao su	1.687.316.650	1.146.912.800	1.687.316.650	1.146.912.800
Doanh thu bán mít			406.432.125	
Tổng cộng	12.114.792.300	8.859.904.890	38.448.851.328	38.570.480.467

2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại				
Giảm giá hàng bán				
Hàng bán bị trả lại				
Tổng cộng	-	-	-	-

3. Giá vốn hàng bán:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mủ cao su	7.664.234.277	5.272.883.772	19.884.090.982	23.631.958.518
Giá vốn bán mủ thu mua tiểu điền			814.468.224	761.280.367
Giá vốn khác	12.000.000		244.228.657	
Giá vốn gia công mủ cao su	1.436.080.915	1.092.109.436	1.436.080.915	1.092.109.436
Giá vốn bán chuối xen canh	610.389.000	1.437.552.900	6.933.508.924	4.904.939.292
Giá vốn bán chuối hợp tác kinh doanh	1.205.805.800	118.356.250	2.132.932.800	6.364.681.500
Giá vốn bán mít			514.538.025	
Tổng cộng	10.928.509.992	7.920.902.358	31.959.848.527	36.754.969.113
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	-
Tổng cộng	10.928.509.992	7.920.902.358	31.959.848.527	36.754.969.113

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

4. Doanh thu hoạt động tài chính:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.925.931.272	3.346.569.588	8.752.449.717	9.859.831.644
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.213.000.000	-	25.921.563.413	40.503.000.000
Tổng cộng	12.138.931.272	3.346.569.588	34.674.013.130	50.362.831.644

5. Chi phí tài chính:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	-	-		
Chi phí tài chính khác				
Tổng cộng	-	-		

6. Chi phí bán hàng:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí kiểm phẩm mũ cao su và bốc xếp	69.091.823	11.860.000	321.636.940	34.340.000
Tổng cộng	69.091.823	11.860.000	321.636.940	34.340.000

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	911.283.592	1.038.952.614	3.349.430.170	2.909.216.161
Khấu hao tài sản cố định	96.187.489	110.115.140	288.562.467	328.433.299
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.392.917	6.395.720	30.123.219	24.036.205
Chi phí trợ cấp mất việc làm	79.808.500	40.625.500	357.652.700	656.187.650
Thuế, phí và lệ phí			3.000.000	5.598.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	172.247.116	317.186.141	686.458.689	1.242.074.440
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu		(12.000.000)	(68.000.000)	(43.500.000)
Tổng cộng	1.269.919.614	1.501.275.115	4.647.227.245	5.122.046.123
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý	(220.800.000)		(220.800.000)	
Tổng cộng	1.049.119.614	1.501.275.115	4.426.427.245	5.122.046.123

8. Thu nhập khác	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu từ bán palet đã qua sử dụng (Cây cao su gậy đồ)	2.000.000	9.895.000	337.746.834	7.274.990.520
Thu từ bán mũ bọt nhà máy	21.000.000	25.920.000	177.052.730	66.050.000
Thu khác	87.272.733	272.000.000	424.789.543	770.388.182
Giảm trừ thu nhập khác (gia trị còn lại vườn cây cao su)	-	-	(77.272.727)	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Tổng cộng	110.272.733	307.815.000	862.316.380	8.111.428.702
------------------	--------------------	--------------------	--------------------	----------------------

9. Chi phí khác	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý cao su .palet đã qua sử dụng	72.000.000	-	329.406.057	366.895.968
Chi phí khấu hao tài sản không liên quan	184.391.103	-	390.261.090	-
Giá trị còn lại thanh lý TSCĐ	-	-	-	3.951.336.927
Chi phí khác	352.297.094	208.130.411	616.043.080	328.334.692
Tổng cộng	608.688.197	208.130.411	1.335.710.227	4.646.567.587
(Giảm trừ giá trị còn lại vườn cây và chi phí thanh lý)	-	-	(77.272.727)	(3.951.336.927)
Tổng cộng	608.688.197	208.130.411	1.258.437.500	695.230.660

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.211.665.398	2.377.937.119	34.107.229.893	51.823.308.620
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	11.211.665.398	2.377.937.119	34.107.229.893	51.823.308.620
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000	19.250.000	19.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	582	124	1.772	2.692

11. Chi phí SXKD theo yếu tố	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu. vật liệu	4.891.771.482	4.046.452.840	9.227.815.168	9.354.524.728
- Chi công cụ dụng cụ	359.950.677	584.558.758	1.737.393.684	2.172.043.159
- Chi phí nhân công	9.579.555.266	7.186.903.078	17.560.990.574	14.414.306.634
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.941.279.662	6.289.798.894	10.447.709.280	5.610.991.549
- Chi phí khác bằng tiền	4.910.415.631	1.178.360.424	12.407.117.904	13.005.790.953
Tổng Cộng	27.682.972.718	19.286.073.994	51.381.026.610	44.557.657.023

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
3. Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt*Thu nhập của các thành viên HĐQT. Ban kiểm toán nội bộ. Ban Tổng Giám đốc. thực nhận trong kỳ.*

Thu nhập	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này				
	Số lượng	Tiền lương	Thưởng	Phụ cấp	Cộng (VNĐ)
- Hội đồng quản trị. Ban kiểm toán nội bộ. thư ký HĐQT.	08	-	-	315.000.000	315.000.000
- Ban Giám đốc	03	810.000.000	-	-	810.000.000
Cộng		810.000.000		315.000.000	1.125.000.000

Giao dịch với các bên có liên quan

Căn cứ tại Điểm 1.1 Khoản 1. Điều 7 và Điểm 3.1. Khoản 3. Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (đồng)
- Công ty bán cây cao su gây đổ cho Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn. Vợ của thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty.	32.365.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: **Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất được tổ chức 02 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là:**

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Đội cao su Phong Phú; Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non. Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất : Chuyên khai thác, sơ chế, kinh doanh cao su...

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2021

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY			
	VĂN PHÒNG CÔNG TY	XÍ NGHIỆP PHƯỚC HƯNG	ĐỘI NNUDCNC THỐNG NHẤT	TỔNG CỘNG
(1)	(2)	(3)	4	(5)
1. Doanh thu thuần	32.094.182.348	-	6.354.668.980	38.448.851.328
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	32.094.182.348	-	6.354.668.980	38.448.851.328
3. Khấu hao	4.285.551.549	553.173.309	1.048.920.822	5.887.645.680
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.864.249.101	110.217.794	1.044.363.831	36.018.830.726
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	15.035.275.166	-	1.379.935.656	16.415.210.822
6. Tài sản bộ phận	408.420.087.344	2.306.315.556	12.638.817.017	423.365.219.917
7. Tài sản không phân bổ				-
Tổng Tài sản	408.420.087.344	2.306.315.556	12.638.817.017	423.365.219.917
8. Nợ phải trả bộ phận	80.857.324.383	-	9.000.000.000	89.857.324.383
9. Nợ phải trả không bộ phận		-	-	-
Tổng Nợ phải trả	80.857.324.383		9.000.000.000	89.857.324.383

Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

5. Thông tin so sánh:

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

Kế toán trưởng / người lập bảng



Trần Hữu Trí



Bà Rịa, ngày 12 tháng 10 năm 2021

Tổng Giám đốc

Nguyễn Nhật Thành Lâm